

Số: /2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 8 năm 2025 về việc dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây viết tắt là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP), gồm:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14; điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng), trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác thu hồi tài sản Theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

l) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

m) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

n) Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

o) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Các nội dung không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.
5. Quyết định này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị thuộc trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản cho cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương, bao gồm:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;
- c) Tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản này) có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Sở Tài chính quyết định giao tài sản cho cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây viết tắt là Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp xã) quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với cán bộ thuộc đối tượng được bố trí nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý trừ cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản khác

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác không thuộc phạm vi quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác không thuộc phạm vi quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình theo danh mục tài sản công tại cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; khai thác kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc trụ sở làm việc,

phần diện tích cơ quan nhà nước được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc; khai thác tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan.

2. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo danh mục tài sản công tại cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao của đơn vị; khai thác kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp, phần diện tích đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp; Cho tổ chức, cá nhân khác theo điểm b khoản 9 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP sử dụng tài sản để thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo khai thác tài sản là phòng thí nghiệm, thiết bị thí nghiệm và các máy móc, thiết bị, tài sản khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; khai thác tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp, phòng truyền thống của đơn vị. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị mình.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác.

b) Cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Sở) quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng) là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I), Ủy ban nhân dân cấp xã đối với phương tiện vận tải khác có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản. Trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan nhà nước (trừ tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng).

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên / 01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên / 01 đơn vị tài sản.

b) Cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định bán tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công là xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Tài sản có giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản công tại đơn vị mình

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định của cơ quan nhà nước (trừ tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên / 01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên / 01 đơn vị tài sản.

b) Cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình. Trừ tài sản gắn liền với đất và quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản. Trừ tài sản gắn liền với đất và quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản có là xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Tài sản có

giá trị đánh giá lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị mình.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan nhà nước (trừ tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng) và tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản; tài sản có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị mình.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan nhà nước (trừ tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng) và đơn vị sự nghiệp công lập

1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá từ 1 tỷ đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu hủy tài sản công, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị mình.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bao gồm việc giao, cho thuê, góp vốn, liên doanh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp xã để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cấp xã quản lý.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án xử lý kịp thời.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại Quyết định này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/.../2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp; (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Đài PTTH tỉnh;
- Như Điều 18;
- Lưu: VT.